

Bản án số: 29/2019/HS-ST
Ngày 14-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Chuông và ông Phạm Văn Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu – kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS ngày 3 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phùng Văn T.** Tên gọi khác: Không, sinh năm 1985 tại: Thôn Đ, xã A, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn Đồng V, xã A, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phùng Văn S và bà Hoàng Thị M;

Tiền sự: Năm 2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Lạc quyết định áp dụng biện pháp cải tạo giáo dục tại xã số 64 ngày 27-9-2018 thời hạn là 3 tháng kể từ ngày 27-9-2018. Chấp hành xong ngày 27-12-2018.

Tiền án: Bản án số 41/2016/HSST ngày 21-7-2016 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt 9 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã An Lạc nhận được Quyết định thi hành án và bản án sao bản. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong tiền phạt, khấu trừ thu nhập, án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 19-6-2017.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương

từ ngày 31- 01- 2019 đến nay. Có mặt .

Người bị hại: Anh Lê Văn H, sinh năm 1980 và chị Phạm Thị H, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn K, xã L, quận A, thành phố Hải Phòng

Người làm chứng: Anh Tiên Văn K, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Bạch Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương

(Bị cáo Tuấn có mặt, những người bị hại anh H, chị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng anh K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 29-01-2019 Phùng Văn T điều khiển xe mô tô của Tuấn, kiểu Dream do Trung Quốc sản xuất không đeo biển số đi từ nhà đến huyện Kinh Môn nhằm mục đích để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ cùng ngày khi đi đến nhà vợ chồng anh Lê Văn H, sinh năm 1980 và chị Phạm Thị H sinh năm 1980 ở thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương, T quan sát thấy tại rìa đường trước cửa nhà anh H có 01 chiếc xe lôi (dạng thùng xe ba gác) có đặc điểm làm bằng kim loại, bánh hơi, thùng xe đóng bằng tấm tôn. Xe của vợ chồng anh H. T quan sát xung quanh không có người trông coi nên đã điều khiển xe đi đến, buộc thùng xe vào phía sau xe mô tô của T rồi điều khiển xe đi đến cửa hàng thu mua sắt vụn của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 có địa chỉ tại L, quận A, thành phố Hải Phòng. T bán thùng xe cho anh T được 350.000 đồng. Sau đó T điều khiển xe đi về nhà. Khi T đi đến địa phận xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương thì gặp lực lượng Công an xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương đi tuần tra. Do thấy nghi vấn nên công an xã L đã giữ T lại. T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản nêu trên. Ngày 29-01-2019 anh H đã làm đơn trình báo.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn đã thu giữ của T chiếc xe mô tô kiểu Dream do Trung Quốc sản xuất, không đeo biển số, có số khung 302092028, số máy 020920028 và số tiền 350.000 đồng.

Tại bản định giá tài sản số 45 ngày 30-01-2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Kinh Môn kết luận: 01 chiếc xe lôi bằng kim loại, thùng được đóng bằng tôn, 02 bánh xe bằng hơi còn giá trị là 2.700.000 đồng.

Ngày 29-01-2019 anh T đã giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an huyện Kinh Môn chiếc thùng xe ba gác có đặc điểm nêu trên. Ngày 01-02-2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn đã trả lại cho vợ chồng anh H chiếc xe trên. Vợ chồng anh H không có yêu cầu về dân sự. Anh T không yêu cầu T phải trả số tiền 350.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô không đeo biển số có số khung 302092028, số máy 020920028, T khai mua của một người bạn tên là Q không biết họ tên và địa chỉ cụ thể ở đâu. Kết quả tra cứu xác định xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng, xe nhãn hiệu Dame đăng kí tên ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 có địa chỉ tại thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương. Ông M xác định năm 2007 đã bán xe cho một người không quen biết.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSKM ngày 28-3-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố bị cáo Phùng Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phùng Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s,r khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phùng Văn Tuấn từ 7 tháng đến 9 tháng tù, tổng hợp với 9 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ của bản án số 41/2016/HSST ngày 21-7-2016 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt là 10 tháng 7 ngày tù đến 12 tháng 7 ngày tù, thời hạn tính từ ngày 31-01-2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra việc giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 350.000 đồng thu giữ của bị cáo.

- Tịch thu cho phát mại sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe mô tô kiểu Dream do Trung Quốc sản xuất, không đeo biển số, có số khung 302092028, số máy 020920028 thu giữ của bị cáo.

Về án phí: Bị cáo Phùng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phùng Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 01 giờ ngày 29-01-2019 tại gia đình anh Lê Văn H có địa chỉ tại thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương, Phùng Văn T đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe lôi làm bằng kim loại có trị giá là 2.700.000 đồng của gia đình anh Lê Văn H. Sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo đã mang đi bán cho anh Nguyễn Văn T được 350.000 đồng. Bị cáo đi về đến địa phận xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương bị lực lượng công an xã kiểm tra và bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn nơi xảy ra tội phạm. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố bị cáo đối với tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản án số 41/2016/HSST ngày 21-7-2016 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt 10 tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ đi 9 ngày tạm giữ bị cáo còn phải chấp hành 9 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập 10% trong thời gian cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã An Lạc nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Tuy nhiên cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã Chí Linh chưa triệu tập được bị cáo đến làm việc để lập hồ sơ gửi về cho Ủy ban nhân dân xã An Lạc, vì bị cáo thường

xuyên đi làm ăn xa nhà, không rõ địa chỉ, không thông báo cho chính quyền địa phương được biết. Ủy ban nhân dân xã An Lạc xác định chưa nhận được bản án số 41/2016/HSST ngày 21-7-2016 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn và Quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh. Bị cáo cũng xác định sau khi xét xử xong bị cáo đã đi làm ăn ở xa không thực hiện khai báo với chính quyền nơi cư trú và cũng chưa đến làm việc với cơ quan Thi hành án hình sự Công an thị xã Chí Linh. Mặt khác theo quy định của tại mục 3, Điều 2 Nghị quyết số 02/2010/NQHD-TP ngày 22-10-2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án”*. Bị cáo đi khỏi nơi cư trú nhưng không thực hiện việc khai báo là vi phạm khoản 3 Điều 75 của Luật thi hành án hình sự. Do vậy, xác định bị cáo Phùng Văn T chưa chấp hành hình phạt 9 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ của bản án trên mà lại phạm tội mới nên chưa được xóa án tích. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “ tái phạm ” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về hành vi của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ *“người phạm tội thành khẩn khai báo”*, khi bị bắt bị cáo đã tự khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ là *“ người phạm tội tự thú”*. Do vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s,r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Khi đánh giá quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần đánh giá về nhân thân của bị cáo. Bị cáo Phùng Văn T là người có nhân thân xấu. Năm 2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt về hành vi đánh bạc đến nay chưa được xóa án tích. Năm 2018 bị cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Lạc ra quyết định áp dụng biện pháp cải tạo giáo dục tại xã số 64 ngày 27-9-2018 thời hạn là 3 tháng kể từ ngày 27-9-2018. Bị cáo chấp hành xong ngày 27-12-2018. Tính đến thời điểm bị cáo phạm tội chưa được xóa tiền sự. Bị cáo không lấy đó là bài học để rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục đi vào con đường vi phạm pháp luật. Do vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục chung và phòng ngừa riêng. Do bị cáo chưa chấp hành hình phạt của bản án đã có hiệu lực số 41/2016/HSST ngày 21-7-2016 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn lại phạm tội mới nên phải tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5

Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là vợ chồng anh Lê Văn H, chị Phạm Thị H tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm xác định đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 350.000 đồng. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[7]. Về vật chứng:

- Đối với 01 chiếc xe mô tô kiểu Dream do Trung Quốc sản xuất, không đeo biển số, có số khung 302092028, số máy 020920028 thu giữ của bị cáo. Bị cáo xác định là tài sản của bị cáo đã mua lại và dùng để đi trộm cắp tài sản nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu cho phát mai sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 350.000 đồng thu giữ của bị cáo do bán tài sản trộm cắp mà có, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo Phùng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong vụ án này anh Nguyễn Văn T khi mua chiếc xe lô không biết tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 7 tháng (*bảy tháng*) tù. Tổng hợp hình phạt 9 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ của bản án số 41/2016/HSST ngày 21-7-2016 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt là 10 tháng (*mười tháng*) 7 ngày (*bảy ngày*) tù thời hạn tính kể từ ngày 31-01-2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

5. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 350.000 đồng thu giữ của bị cáo.

- Tịch thu cho phát mại sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe mô tô xe mô tô kiểu Dream do Trung Quốc sản xuất, không đeo biển số, có số khung 302092028, số máy 020920028 thu giữ của bị cáo.

(*Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn với Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn*).

5. Về án phí: Bị cáo Phùng Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra- Công an huyện Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu: hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Chuộng – Đinh Thị Tín

Nguyễn Thị Nguyệt